

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 37/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 17 tháng 05 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Cao Bằng;

Xét Tờ trình số 4260/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2020 như sau:

- Số lượng: 514 công trình, trong đó:

+ Đất trồng lúa: 161,60 ha;

+ Đất rừng phòng hộ: 213,53 ha;

+ Đất rừng đặc dụng: 1,05 ha.

Tổng số dự án, công trình và diện tích từng huyện, thành phố như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng công trình	Diện tích đăng ký chuyển mục đích (ha)		
			Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng đặc dụng (RDD)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thành Phố Cao Bằng	33	52,20	-	-
1.1	Công trình chuyển tiếp	22	47,82	-	-
1.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	11	4,38		
2	Huyện Bảo Lâm	27	7,82	17,97	-
2.1	Công trình chuyển tiếp	25	7,59	17,77	-
2.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	2	0,23	0,20	
3	Huyện Bảo Lạc	36	2,30	30,31	-
3.1	Công trình chuyển tiếp	35	2,30	30,21	-
3.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	1	-	0,10	-
4	Huyện Thông Nông	17	2,08	2,56	-
4.1	Công trình chuyển tiếp	12	0,96	2,56	-
4.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	5	1,12	-	-
5	Huyện Hà Quảng	35	2,45	6,50	-
5.1	Công trình chuyển tiếp	20	1,14	3,68	-
5.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	15	1,31	2,82	
6	Huyện Trà Lĩnh	31	13,45	29,91	-

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 06+07+08+09+10/Ngày 03-01-2020

6.1	Công trình chuyển tiếp	29	12,55	29,91	-
6.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	2	0,90	-	-
7	<i>Huyện Trùng Khánh</i>	56	19,46	22,03	-
7.1	Công trình chuyển tiếp	21	11,43	6,15	-
7.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	35	8,03	15,88	-
8	<i>Huyện Hạ Lang</i>	61	15,67	25,80	-
8.1	Công trình chuyển tiếp	44	12,22	18,87	-
8.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	17	3,45	6,93	-
9	<i>Huyện Quảng Uyên</i>	60	14,12	10,20	-
9.1	Công trình chuyển tiếp	25	5,40	3,83	-
9.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	35	8,72	6,37	-
10	<i>Huyện Phục Hoà</i>	14	5,03	14,92	-
10.1	Công trình chuyển tiếp	9	0,57	11,78	-
10.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	5	4,46	3,14	-
11	<i>Huyện Hoà An</i>	19	12,36	0,22	-
11.1	Công trình chuyển tiếp	11	7,33	-	
11.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	8	5,03	0,22	
12	<i>Huyện Nguyên Bình</i>	50	3,27	19,43	1,05
12.1	Công trình chuyển tiếp	24	1,63	4,75	0,60
12.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	26	1,64	14,68	0,45
13	<i>Huyện Thạch An</i>	75	11,39	33,68	-
13.1	Công trình chuyển tiếp	40	5,22	16,70	-
13.2	Công trình đăng ký mới năm 2020	35	6,17	16,98	-
	Tổng cộng	514	161,60	213,53	1,05

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Trường hợp phát sinh dự án, công trình mới (trong trường hợp có đủ căn cứ pháp lý như chủ trương đầu tư còn thời hạn), Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVI, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng